

# ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

(Please print or type in English only)

Questionnaire for  
persons in Vietnam

## SECTION 1: Information about you

- Your name: DOAN VI HAN
- Other names you have used: (no)
- Sex: male Date of birth: Jan 2, 1930 Country of birth: Quảng Bình
- Your address: Lap Thanh village - Xuan Loc province - Dongnai City
- Are you married: Married
- Your Exit Permit number is:

## SECTION 2: Information about your relatives in the United States

- Name of your closest relative in the U.S: NONE
- Other name used:
- Date of birth:
- The U.S. address:
- The relationship to you is:
- The US telephone number (if known) is:
- When did your closest relative leave Vietnam:

## SECTION 3: Information about relatives you want to go with you to the U.S.

a. - List all your relatives you want to go with you to the U.S.

| NAME           | SEX    | DOB       | COB        | RELATION<br>ship to you | MARRIED | EXIT<br>Permit<br>NO | ADDRESS                                                 |
|----------------|--------|-----------|------------|-------------------------|---------|----------------------|---------------------------------------------------------|
| TRUONG THI HAO | Female | June 1933 | Quang-Binh | Wife                    | Married |                      | Residence<br>address =                                  |
| DOAN VI HUNG   | M      | May 1955  | Hue        | Daughter Son            | Single  |                      | TDA/Lap-<br>Thanh village                               |
| DOAN THU HUE   | F      | Nov 1957  | Hue        | Daughter                | Married |                      | Xuan Loc<br>province                                    |
| DOAN THU HUONG | F      | Feb 1967  | Q. ngai    | D                       | Single  |                      | Dongnai City                                            |
| DOAN DUY HIEP  | M      | Aug 1968  | Q. ngai    | S                       | S       |                      | Mailing<br>address =                                    |
| DOAN VI HUAN   | M      | May 1975  | Sai gon    | S                       | S       |                      | Truong<br>thi Hao<br>407/16<br>Nguyen van<br>Tro - HCMC |

## SECTION 4: Information about your family

Important: List all your relatives, living or dead, including those you put in Section 3.

| NAME                        | SEX    | DOB       | COB           | MARRIED | ADDRESS                  |
|-----------------------------|--------|-----------|---------------|---------|--------------------------|
| a. - Your wife (living)     | Female | June 1933 | Quang Binh VN | Married | If deceased write "dead" |
| Truong Thi Hao              |        |           |               |         |                          |
| b. - Your other wife        |        | "no"      |               |         |                          |
| c. - Your children (living) |        |           |               |         |                          |
| Doan Vi Hung                | Male   | May 1955  | Hue           | Single  |                          |
| Doan thu Hue                | F      | Nov. 1957 | Hue           | Married |                          |
| Doan thu Huong              | F      | Feb. 1967 | Q. ngai       | Single  |                          |
| Doan duy Hiep               | M      | Aug. 1968 | Q. ngai       | S       |                          |
| Doan Vi Huan                | M      | May 1975  | Q. ngai       | S       |                          |

\* LAP THANH VILAGGE -  
XUAN LOC PROVINCE.  
DONG NAI CITY.

VIET NAM

d. - Your parents: Đ MUU. Male 1898 Qg Binh (VN) 'Dead' Father  
 Truong thi Diem. Female 1898 - id - 'Dead' Mother

e. - Your brothers/sisters:

| NAME             | SEX    | DOB        | COB     | MARRIED | ADDRESS                        |
|------------------|--------|------------|---------|---------|--------------------------------|
| Doan thi - Chinh | female | 1925 (abt) | Qg Binh | Married | Quang Binh, Nord VN            |
| Doan thi - Niem  | id     | 1928 (id)  | (id)    | (id)    | Cam Ranh City, Phu Khanh prov. |
| Doan thi - Huong | id     | 1933       | (id)    | (id)    | (id)                           |

f. - Other relatives living with you:

Truong van Minh

Relationship to you  
 nephew/father still reeducation (MSS)

## SECTION 5:

### Employment with the US Government

Important: If you worked for the US government complete this Section.

If an accompanying relative worked for US Government have him complete this Section, if possible.

a. - For what US Government agency? US SPECIAL FORCE. In what office?

b. - Date of separation? (no)

Reason for separation? (no)

c. - Give the dates, places worked, job title or grade and name of supervisors.  
 mo/yr to mo/yr Name Place Describe the training or schooling

Important: If the job training was outside Vietnam complete Section 8

e. - List any awards and recommendations from the US Government?

Was time spent in reeducation?

Still in reeducation?

Important: Please send copies of personnel documents, ID cards, training certificates, letters of recommendation, job photographs, letters from supervisor or any other documents pertaining to employment by the US Government or verifying reeducation.

## SECTION 6: Other job with American Companies or Organizations.

Cooperated all Counter Intelligence Activities & Campaigns with MSS + CRD + 525 + 101 + Embassy House / American Organizations.

## SECTION 7: Government or Military Service before April 30, 1975

Important: If you worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnam Military complete this Section. If an accompanying relative worked for the Vietnamese Government or served in the Vietnamese have him complete this Section, if possible.

a. - What Ministry or Military unit? (Ranger ARVN FORCES (Signal))

b. - Date of separation? 30-4-1975 (Military Security Service)

Reason for separation? - id -

c. - Give the dates, places worked, job title or rank and name of supervisor

| mo/yr to mo/yr           | Place           | Title/Rank                                 | Name of Supervisor | Describe the work performed.             |
|--------------------------|-----------------|--------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------|
| (6-1950) → (30-4-1975)   | Quang Ngai City | Major, Chief MSS                           | Col Le Quang Nhon  | Direct all MSS activities and campaigns. |
| June 1950 to April, 1975 | ...             | .../province + Cumulated Assistant officer | Col Chu Van Song   | Still Reeducation Area.                  |

- d. List any awards, commendations or medals from the US Government:  
e. Was time spent in reeducation? Eyes How long? (8 years)  
Still reeducation? NO  
f. Any training in the US?  
g. Was work done closely with American? Very closely.

Important: Please send copies of personnel documents, ID Cards, training certificates, letters of recommendation, job photographs, letters from supervisor or any other documents pertaining to employment by the Vietnamese Government, service in the Vietnamese military showing the work relationship to American or verifying reeducation.  
Do not send original papers, send copies only {All lost. at 30-4.75

#### SECTION 8: Education outside Vietnam

- ① OKINAWA - United State Army Pacific Counter Intelligence School (USARPAC) in 1967 about April - (exact date forgotten) Training Cert. (Certificate lost)  
② TAIWAN - Allied Security (MSS) in 1973. (Certificate lost)

#### SECTION 9: Comments and remarks

- All on any papers such as =

- My present wife is:  
TRUONG THI HAO

The former wife is: no

: Medals in a 'NVN' cadres:

#### SECTION 10:

#### Certification

I affirm that all the information on this questionnaire is true and understand that any false statement could prevent me from going to the United States.

11-1975



Date

Signature of applicant

Orderly Departure Program Office - 131 SOI TIEN SIANG  
Sathorn Tai Road BANGKOK - THAILAND

Tokyo 16/10/1989.

Kính gửi quý vị đại diện Hội gia đình tù nhân chính trị Việt Nam.

Kính thưa quý hội, tôi xin được tỏ lòng cảm phục và tri ân quý hội đã liên tiếp vận động cho các tù nhân chính trị hiện còn bị đày đọa tại quê hương.

Nhân tiện tôi cũng xin gửi đến quý hội danh sách của gia đình tôi còn ở lại Việt Nam, để xin được thiết lập hồ sơ rời Việt Nam định cư tại Hoa Kỳ. Vẫn còn lại học sinh tôi không được có điều kiện để đóng góp vào quỹ giúp đỡ tù nhân, nhưng với tấm lòng cảm phục các chiến sỹ đã gian khổ cho quê hương, xin nguyện đáp đền sự giúp đỡ của quý vị, để chia sẻ niềm thương với các tù nhân chính trị sắp được rời Việt Nam trong tương lai.

Kính chào.

  
Đoàn quỳ hùng

ĐOÀN VI HÂN  
Trại cải tạo số  
Số 78/GH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

0006 78 0106 2

GIẤY RA RA

Thị hành quyết định tha số 13 ngày 24 tháng 5 năm 1983  
của Bộ nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau:

Họ tên: Đoàn Vi Hân . Sinh năm: 1930  
Nơi sinh : Hòa Ninh Quảng Trạch Bình Trị Thiệp.  
Nơi ĐKKR thường trú: Cam đức, Cam ranh, Phú Khánh .  
Cạm tội : an ninh quân đội, thiếu tá trưởng ty.  
Ngày bắt : 14/5/1975 an phạt: TTTT  
Nay về cư trú : Cam đức, Cam ranh, Phú Khánh .

Nhận xét quá trình cải tạo:

- Tư tưởng: Xúc định được tội lỗi, an tâm cải tạo
- Lao động: tham gia đầy đủ ngay công, năng suất thấp .
- Học tập : tham gia đầy đủ có nhiều chuyên biến.
- Nội quy : chấp hành khá .

Được sự phải trình diện tại UBND xã Cam đức Cam Ranh, Phú Khánh  
trước ngày 30 tháng 5 năm 1983

Lên tay ngón vô phải  
của : Hân  
Danh bạ số: 8193  
lập tại: Quân pháp

Họ tên của ký  
người được cấp giấy

Ngày 5 tháng 6 năm 1983  
P. GIÁM THỊ

Hân  
Đoàn Vi Hân

Đại tá Nguyễn Quốc Thước.

From: DOAN QUANG HUY

KATSUSHIKA KU  
TOKYO 124

OCT 25 1989

**AIR MAIL**

**PRINTED MATTER**

TO: HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

P.O. Box 5435

ARLINGTON, VA. 22205-0635

USA